

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN SƠN DƯƠNG  
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **37/2022/HNGĐ-ST**  
Ngày: 13-5-2022  
Về việc tranh chấp hôn nhân gia đình  
giữa chị Trần Thị Q và anh Nguyễn  
Trung T

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG**

**- T phân Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Minh Khánh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Văn Vượng.
2. Ông Nguyễn Văn Quang.

**- T1 ký phiên tòa:** Bà Vũ Hồng Ngọc - T1 ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:** Bà Hà Thu Trang - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 13/5/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2022/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 01 năm 2022 về việc “Kiện tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2022/QĐXXST - HNGĐ, ngày 13/4/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Q, sinh năm 1986; địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn S, huyện S1, tỉnh T. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).
2. Bị đơn: Anh Nguyễn Trung T, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn S, huyện S1, tỉnh T. Vắng mặt (Quá trình giải quyết có đề nghị xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, chị Trần Thị Q trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Trung T được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương từ ngày

10/7/2008 tại Ủy ban nhân dân xã Bạch Hà, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sinh sống tại T Tổ dân phố T, thị trấn S, huyện S1, tỉnh T; sau đó hai vợ chồng đi làm ăn ở M, tỉnh L một thời gian lại về TDP T sinh sống cho đến nay. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến cuối năm 2013, đầu năm 2014 thì vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống sinh hoạt, anh T bê tha chơi bời không tu trí làm ăn đã nhiều lần hai bên gia đình hòa giải nhưng hai vợ chồng vẫn không thể hòa hợp được. Đến đầu năm 2021 vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn quan hệ về tình cảm và kinh tế với nhau nữa. Nay mâu thuẫn quá trầm trọng, vợ chồng đã ly thân từ lâu nên chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng chị có một con chung là: Cháu Nguyễn Anh T1, sinh ngày 02/7/2009, khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc và giáo dục cháu. Chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, đất đai chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: chị tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

*Theo biên bản lấy lời khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án anh Nguyễn Trung T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Thị Q được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương từ ngày 10/7/2008 tại Ủy ban nhân dân xã Bạch Hà, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sinh sống tại Tổ dân phố T, thị trấn S, huyện S1, tỉnh T; sau đó vợ chồng đi làm ăn ở M, tỉnh L một thời gian lại về TDP T sinh sống cho đến nay. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến cuối năm 2013, đầu năm 2014 thì vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống sinh hoạt, chơi bời mắc phải tệ nạn xã hội đã nhiều lần hai bên gia đình hòa giải nhưng hai vợ chồng vẫn không thể hòa hợp được, không có tiếng nói chung. Đến đầu năm 2021 vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn quan hệ về tình cảm và kinh tế với nhau nữa. Nay chị Q đề nghị ly hôn nhưng anh không nhất trí, anh muốn vợ chồng về đoàn tụ với nhau.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng anh có một con chung là: Cháu Nguyễn Anh T1, sinh ngày 02/7/2009, khi ly hôn anh đề nghị chị Q là người được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc và giáo dục cháu. Anh không phải cấp dưỡng phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: anh nhất trí ý kiến của chị Q về việc chị Q chịu toàn bộ án phí.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành điều tra, xác minh tại địa phương thể hiện chị Trần Thị Q và anh Nguyễn Trung T đăng ký kết hôn theo quy định; vợ chồng anh chị Q, T có mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống, về kinh tế do anh T mắc phải tệ nạn xã hội. Quá trình chung sống có một con chung là cháu Nguyễn Anh T1, sinh ngày 02/7/2009. Trong trường hợp anh chị Q, T không thể hòa giải đoàn tụ được, mâu thuẫn trầm trọng dẫn tới phải ly hôn thì nên giao cháu T1 cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục vì anh T mắc tệ nạn xã hội việc giao cháu cho anh T sẽ không đảm bảo sự phát triển toàn diện, cuộc sống sinh hoạt sẽ bị ảnh hưởng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, T1 ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 28, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử cho chị Trần Thị Q và anh Nguyễn Trung T được ly hôn; giao cháu Nguyễn Anh T1, sinh ngày 02/7/2009 cho chị Trần Thị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Nguyễn Trung T không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm con chung; chị Trần Thị Q phải chịu án phí theo quy định.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Trần Thị Q và anh Nguyễn Trung T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 10/7/2008 tại Ủy ban nhân dân xã Bạch Hà, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái, vì vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị Q khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và giao nuôi con chung khi ly hôn, do vậy quan hệ pháp luật tranh chấp xác định là: *Tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Kết quả xác minh xác định anh Nguyễn Trung T có hộ khẩu T1 ở trú và vẫn sinh sống tại thôn Tân An, thị trấn Sơn Dương, huyện Sơn Dương.

Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành giải quyết theo quy định, tuy nhiên tại các phiên tòa anh T đều vắng mặt mặc dù trong quá trình giải quyết anh T đã đều đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Như vậy, anh T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Q và anh Nguyễn Trung T kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, mâu thuẫn kéo dài. Do cả hai không cùng chung sống, không quan tâm đến nhau và đã ly thân từ đầu năm 2021 đến nay nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Q là xử cho chị Q được ly hôn với anh Nguyễn Trung T.

[5] Về con chung: Chị Trần Thị Q và anh Nguyễn Trung T có một con chung là cháu Nguyễn Anh T1, sinh ngày 02/7/2009. Quá trình giải quyết anh T cũng nhất trí giao cháu T1 cho chị Q nuôi dưỡng. Xét nguyện vọng của cháu T1 cũng như căn cứ vào kết quả xác minh tại địa phương thì nên giao cháu cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu sẽ tốt hơn. Do đó, cần tuyên xử cho chị Q được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả cháu T1 là phù hợp. Anh Nguyễn Trung T không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm con chung.

[6] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Các đương sự xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Trần Thị Q phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Q.

*Tuyên xử:*

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Q được ly hôn với anh Nguyễn Trung T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Anh T1, sinh ngày 02/7/2009 cho chị Trần Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục.

Anh Nguyễn Trung T không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị Q phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2021/0001893 ngày 13/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương. Anh Nguyễn Trung T không phải nộp án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

***Nơi nhận***

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- T.H.A dân sự huyện Sơn Dương;
- UBND xã Bạch Hà (Nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thị Minh Khánh**

**T VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Quang    Phạm Văn Vượng**

**Hoàng Thị Minh Khánh**

